

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỊCH VỤ KỸ THUẬT THĂNG LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỊCH VỤ KỸ THUẬT THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG CONSULT TECHNICAL SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANG LONG TECHNICAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107964254

**3. Ngày thành lập:** 21/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23B, ngõ 4, Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02433602366

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 2.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100        |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4220        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321(Chính) |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;<br>Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng<br>Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4530        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</p> | 4659 |
| 12. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</p> <p>Bán buôn xi măng</p> <p>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</p> <p>Bán buôn kính xây dựng</p> <p>Bán buôn sơn, vécni</p> <p>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</p> <p>Bán buôn đồ ngũ kim</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663 |
| 13. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4669 |
| 14. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                               | 4759 |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br/> Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy<br/> Hoạt động kiến trúc<br/> Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng<br/> Thiết kế kiến trúc công trình;<br/> Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br/> Thiết kế kết cấu công trình;<br/> Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br/> Thiết kế cấp - thoát nước;<br/> Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br/> Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông<br/> Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br/> Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</p> <p>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br/> Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br/> Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ</p> <p>Lập quy hoạch xây dựng;<br/> Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;<br/> Khảo sát xây dựng;<br/> Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình;<br/> Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;<br/> Giám sát thi công xây dựng;</p> | 7110 |
| 17. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br/> Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7490 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730 |
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7920 |
| 20. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8020 |
| 21. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8130 |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7911 |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7912 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4742 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4752 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                 | 4931 |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4932 |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                            | 5229 |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TÔN ĐỨC   | Thôn Hoàng Xá, Xã Phú Túc, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 290.000    | 2.900.000.000         | 48,333    | 111790000                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 290.000    | 2.900.000.000         | 48,333    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ NGUYỄN BÁ | Thôn Hoàng Xá, Xã Phú Túc, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 8,333     | 0010800013<br>75                                                                            |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 8,333     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 21/08/2017 đến ngày 20/09/2017

|   |                 |                                                                 |                   |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN THỊ THAO | Thôn Hạ, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 260.000 | 2.600.000.000 | 43,333 | 111647624 |  |
|   |                 |                                                                 | Tổng số           | 260.000 | 2.600.000.000 | 43,333 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TÔN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111790000

Ngày cấp: 23/12/2010

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hoàng Xá, Xã Phú Túc, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23B, ngõ 4, Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội